

Phụ lục

BẢNG GIÁ THỊ TRƯỜNG THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI VÀ DỊCH VỤ Y TẾ

(Kèm theo Công văn số 1759 /SYT-NVD ngày 01 /7/2019 của Sở Y tế Bình Định)

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ này (Quý 2 năm 2019)	Nguồn thông tin	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	05	THUỐC CHỮA BỆNH CHO NGƯỜI						
1	50.001	Thuốc tim mạch						
		Savi Amlodipin	Amlodipin 10mg, Hộp 3 vỉ x 10 viên	Hộp	Giá bán buôn	20907	Báo giá doanh nghiệp (Hưng Phát)	Nhà sản xuất: Savi
2	50.002	Thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng						
	5100221	Bifumax 500 H/10	Cefuroxim 500mg, Hộp 2 vỉ x 5 viên	Viên	Giá bán lẻ	8560	Báo giá doanh nghiệp (Bidiphar)	Nhà sản xuất: Bidiphar
3	50.003	Thuốc dị ứng và các trường hợp quá mẫn cảm						
	5100329	Stagerin (vỉ nhôm) H/50	Cinnarizin 25 mg, Hộp 5 vỉ x 10 viên	Viên	Giá bán lẻ	311	Báo giá doanh nghiệp (Bidiphar)	Nhà sản xuất: Bidiphar
4	50.004	Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm không steroid và thuốc điều trị gut và các bệnh xương						
	5100478	Biragan 500 H/100 (Alu-Alu)	Paracetamol 500mg, Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	Giá bán lẻ	460	Báo giá doanh nghiệp (Bidiphar)	Nhà sản xuất: Bidiphar
5	50.005	Thuốc tác dụng trên đường hô hấp						
	5100004	Bifacold H/30	N-acetylcystein 200mg, Hộp 30 gói x 1g	Gói	Giá bán lẻ	1210	Báo giá doanh nghiệp (Bidiphar)	Nhà sản xuất: Bidiphar
6	50.006	Thuốc vitamin và khoáng chất						
	5100303	Neutrifore H/100	Vitamin B1: 250 mg; Vitamin B6 250 mg; Vitamin B12 1000 mcg; Hộp 10 vỉ x 10 viên	Viên	Giá bán lẻ	1430	Báo giá doanh nghiệp (Bidiphar)	Nhà sản xuất: Bidiphar
7	50.007	Thuốc đường tiêu hóa						
	5100309	Oraptic 20 H/20	Omeprazone 20mg; hộp 5 vỉ x 4 viên	Viên	Giá bán lẻ	759	Báo giá doanh nghiệp (Bidiphar)	Nhà sản xuất: Bidiphar
8	50.008	Hóc môn và các thuốc tác động vào hệ nội tiết						
	5100322	Soli-Medon 4 H/30	Methyl prednisolon 4mg, hộp 3 vỉ x 10 viên	Viên	Giá bán lẻ	920	Báo giá doanh nghiệp (Bidiphar)	Nhà sản xuất: Bidiphar
9	50.009	Thuốc khác						
		Cotrimstada	Sulfamethoxazol 400mg; hộp 100 viên	Hộp	Giá bán buôn	45600	Báo giá doanh nghiệp (Hồng Nhật)	Nhà sản xuất: Stada
II	06	DỊCH VỤ Y TẾ						
1	60.001	Khám bệnh		đ/lượt		39000		

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ này (Quý 2 năm 2019)	Nguồn thôn tin	Ghi chú
2	60.002	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/ngày		199100	Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định	
3	60.003	Siêu âm		đ/lượt		49000		
4	60.004	X-quang số hóa 1 phim		đ/lượt		69000		
5	60.005	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis		đ/lượt		42400		
6	60.006	Điện tâm đồ		đ/lượt		45900		
7	60.007	Nội soi thực quản-dạ dày-tá tràng ống mềm không sinh thiết		đ/lượt		231000		
8	60.008	Hàn composite cổ răng		đ/lượt		324000		
9	60.009	Châm cứu (có kim dài)		đ/lượt		75800		
10	60.010	Khám bệnh	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	đ/lượt			không có	
11	60.011	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1		đ/ngày				
12	60.012	Siêu âm		đ/lượt				
13	60.013	X-quang số hóa 1 phim		đ/lượt				
14	60.014	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis		đ/lượt				
15	60.015	Điện tâm đồ		đ/lượt				
16	60.016	Nội soi thực quản-dạ dày-tá tràng ống mềm không sinh thiết		đ/lượt				
17	60.017	Hàn composite cổ răng		đ/lượt				
18	60.018	Châm cứu (có kim dài)		đ/lượt				
19	60.019	Khám bệnh		đ/lượt		40000		
20	60.020	Ngày giường điều trị nội trú nội khoa, loại 1						
		Giường thông thường nội khoa		đ/ngày		150000		
		Ngày giường bệnh HSCC		đ/ngày		240000		
		Giường nội khoa loại 3 Hạng III Khoa YHCT		đ/ngày		112000		
21	60.021	Siêu âm						
		Siêu âm Doppler mạch máu[chi trên]		đ/lượt		134000		
		Siêu âm Doppler mạch máu[cổ]		đ/lượt		134000		

STT	Mã hàng hóa	Tên hàng hóa dịch vụ	Đặc điểm kinh tế, kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá	Giá kỳ này (Quý 2 năm 2019)	Nguồn thôn tin	Ghi chú
		Siêu âm Doppler mạch máu[động mạch cảnh]	Giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân.	đ/lượt		134000	Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình báo cáo	
		Siêu âm hạch vùng cổ		đ/lượt		80000		
		Siêu âm màu bìu		đ/lượt		80000		
		Siêu âm Doppler gan lách		đ/lượt		134000		
		Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)		đ/lượt		80000		
		Siêu âm ổ bụng		đ/lượt		80000		
		Siêu âm màu gan mật		đ/lượt		80000		
		Siêu âm tử cung phần phụ		đ/lượt		80000		
		Siêu âm màu tiền liệt tuyến		đ/lượt		80000		
		Siêu âm phần mềm (một vị trí)		đ/lượt		80000		
		Siêu âm màu vú		đ/lượt		80000		
		Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)		đ/lượt		134000		
		Siêu âm Doppler mạch máu[chi dưới]		đ/lượt		134000		
22	60.022	X-quang số hóa 1 phim		đ/lượt		100000		
23	60.023	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu hoặc cận Adis		đ/lượt		50000		
24	60.024	Điện tâm đồ		đ/lượt		46000		
25	60.025	Nội soi thực quản-dạ dày-tá tràng ống mềm không sinh thiết		đ/lượt		220000		
26	60.026	Hàn composite cổ răng		đ/lượt		200000		
27	60.027	Châm cứu (có kim dài)		đ/lượt		82000		

* Trong quý 2 năm 2019 không phát sinh hồ sơ kê khai giá thuốc

* Dự báo trong tháng 7 năm 2019, giá thị trường thuốc chữa bệnh và dịch vụ y tế không biến động